TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG HỒ** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 21/2018/QĐST - DS	*Long Hồ, ngày 16 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 4 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2018/TLST - DS ngày 06 tháng 02 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thu H, sinh năm 1960 (tên thường gọi là TT)

Địa chỉ: ấp HT, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo ủy quyền của của bà Võ Thu H: Anh Huỳnh Duy K, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Số 4, tổ 3, ấp Bình Tịnh B, xã Hòa Tịnh, huyện Mang Thít, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1971 (tên thường gọi là L) và chị Võ Thị Kim Th, sinh năm 1973.

Địa chỉ: số 134A/10 ấp BL, xã LA, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ thường trú: Số 173B tổ 13 khóm A, thị trấn LH, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Anh Trần Văn T và chị Võ Thị Kim Th đồng ý liên đới trách nhiệm trả cho bà Võ Thu H số tiền vay gốc là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

- Thời hạn trả nợ: Hai bên thỏa thuận: Số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) anh T, chị Th trả cho bà Võ Thu H thành 02 lần:

Lần 01: Ngày 06/8/2018 anh T, chị Th trả cho bà H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

Lần 02: Ngày 06/12/2018 anh T, chị Th trả cho bà H số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng)

- Án phí: Hai bên thỏa thuận: Anh Trần Văn T và chị Võ Thị Kim Th đồng ý chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là 250.000đ (Hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Đặng Thị Ngọc Tú